

Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2021



CÔNG TY
CỔ PHẦN
TẬP ĐOÀN
CÔNG
NGHỆ CMC

Digitally signed by CÔNG TY CỔ
PHẦN TẬP ĐOÀN CÔNG NGHỆ CMC
DN:
OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:
0100244112; CN=CÔNG TY CỔ PHẦN
TẬP ĐOÀN CÔNG NGHỆ CMC,
O=MEGABIZ-VN, L=Cầu Giấy, S=Hà
Nội, C=VN
Reason: I am the author of this
document
Location:
Date: 2021.06.29 22:26:41
Foxit PhantomPDF Version: 9.0.1

Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2021



Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Điều hành	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Bảng cân đối kế toán riêng	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	11 - 44

Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0100244112 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 7 tháng 2 năm 2007 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp sửa đổi sau đó, với lần sửa đổi gần nhất là lần thứ 12 được cấp ngày 28 tháng 9 năm 2020.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là:

- ▶ Dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính;
- ▶ Sản xuất phần mềm, cung cấp dịch vụ và giải pháp về phần mềm và nội dung;
- ▶ Sản xuất, kinh doanh, sửa chữa máy móc, thiết bị điện tử, truyền thông và công nghệ thông tin ("CNTT");
- ▶ Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng dịch vụ đi thuê;
- ▶ Các hoạt động viễn thông; và
- ▶ Các hoạt động khác theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Công ty có trụ sở chính tại Tòa nhà CMC Tower, số 11 phố Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam và một chi nhánh tại tầng 9, tòa nhà TNA, số 111 – 112 phố Ngô Gia Tự, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Trung Chính	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Phước Hải	Thành viên	
Ông Nguyễn Minh Đức	Thành viên	
Ông Trương Tuấn Lâm	Thành viên	
Ông Nguyễn Danh Lam	Thành viên	
Ông Lê Việt Hà	Thành viên	
Ông Hà Thế Vinh	Thành viên	
Ông Jeong Sam Yong	Thành viên	
Ông Kim Jung Wuk	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 7 năm 2020
Ông Suh Jae Il	Thành viên	Từ nhiệm ngày 7 tháng 5 năm 2020

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Vũ Thị Phương Thanh	Trưởng ban
Ông Trương Thanh Phúc	Thành viên
Ông Nguyễn Thành Nam	Thành viên

Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

BAN ĐIỀU HÀNH

Các thành viên Ban Điều hành trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Trung Chính	Chủ tịch Điều hành Tập đoàn (*)	Bổ nhiệm ngày 5 tháng 8 năm 2020
Ông Hồ Thanh Tùng	Tổng Giám đốc	Từ nhiệm ngày 1 tháng 8 năm 2020
	Phó Chủ tịch Điều hành Cấp cao Tập đoàn - Phụ trách điều hành hoạt động Công ty	Bổ nhiệm ngày 5 tháng 8 năm 2020
Ông Nguyễn Phước Hải	Quyền Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 1 tháng 11 năm 2020
	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 5 tháng 8 năm 2020
Ông Hoàng Ngọc Hùng	Phó Chủ tịch Cấp cao Tập đoàn – Giám đốc Quản trị	Bổ nhiệm ngày 5 tháng 8 năm 2020
	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 5 tháng 8 năm 2020
Ông Ngô Trọng Hiếu	Phó Chủ tịch Điều hành Tập đoàn	Bổ nhiệm ngày 5 tháng 8 năm 2020
	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 1 tháng 6 năm 2021
Ông Lê Thanh Sơn	Phó Chủ tịch Điều hành Tập đoàn	Miễn nhiệm ngày 5 tháng 8 năm 2020
	Phó Chủ tịch Cấp cao Tập đoàn – Giám đốc Tài chính	Bổ nhiệm ngày 5 tháng 8 năm 2020
Ông Lương Tuấn Thành	Phó Chủ tịch Cấp cao Tập đoàn – Giám đốc Công nghệ	Bổ nhiệm ngày 5 tháng 8 năm 2020

(*) Tập đoàn bao gồm Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC và các công ty con.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Nguyễn Trung Chính, Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Chủ tịch Điều hành Tập đoàn.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2021.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Điều hành cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Điều hành chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Điều hành cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Điều hành cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Theo ý kiến của Ban Điều hành, báo cáo tài chính riêng kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 3 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty có các công ty con như được trình bày trong báo cáo tài chính riêng. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại văn bản này, Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2021 đề ngày 29 tháng 6 năm 2021.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được đầy đủ các thông tin về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con.

Thay mặt Ban Điều hành:



Nguyễn Trung Chính
Chủ tịch Điều hành Tập đoàn

Ngày 29 tháng 6 năm 2021

Số tham chiếu: 61376291/22196223

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC ("Công ty"), được lập ngày 29 tháng 6 năm 2021 và được trình bày từ trang 6 đến trang 44, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 3 năm 2021, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 3 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Trịnh Xuân Hòa
Phó Tổng Giám đốc
Số giấy CNDKHN kiểm toán: 0754-2018-004-1

Quách Hải Yến
Kiểm toán viên
Số giấy CNDKHN kiểm toán: 4658-2018-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 29 tháng 6 năm 2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
ngày 31 tháng 3 năm 2021

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		883.724.584.516	1.159.260.332.095
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	33.004.954.360	72.190.196.947
111	1. Tiền		3.004.954.360	2.190.196.947
112	2. Các khoản tương đương tiền		30.000.000.000	70.000.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	5	630.000.000.000	860.000.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		630.000.000.000	860.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		193.642.990.987	225.204.930.644
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6.1	17.105.603.434	14.798.201.882
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6.2	17.490.263.927	42.835.375.833
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	61.976.000.000	6.006.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	111.353.332.747	173.132.551.327
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6.3	(14.282.209.121)	(11.567.198.398)
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		27.076.639.169	1.865.204.504
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		722.526.327	233.042.854
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	10	26.333.900.619	1.611.949.427
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	18	20.212.223	20.212.223
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		1.508.250.373.954	1.065.750.701.097
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		48.560.107.000	25.000.000.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	8	48.560.107.000	25.000.000.000
220	II. Tài sản cố định		208.649.578.036	227.261.251.379
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	206.369.266.185	223.298.452.848
222	Nguyên giá		379.250.188.716	379.056.087.898
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(172.880.922.531)	(155.757.635.050)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	2.280.311.851	3.962.798.531
228	Nguyên giá		22.443.303.204	21.352.336.204
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(20.162.991.353)	(17.389.537.673)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		454.181.185.092	136.728.965.454
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	13	454.181.185.092	136.728.965.454
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn	15	787.734.669.974	667.820.899.728
251	1. Đầu tư vào công ty con		745.440.014.767	645.440.014.767
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết		7.258.356.000	7.258.356.000
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(30.598.827.801)	(28.257.471.039)
255	4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		65.635.127.008	43.380.000.000
260	V. Tài sản dài hạn khác		9.124.833.852	8.939.584.536
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	16	9.124.833.852	8.939.584.536
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		2.391.974.958.470	2.225.011.033.192

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
ngày 31 tháng 3 năm 2021

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		693.281.799.590	517.622.282.504
310	I. Nợ ngắn hạn		360.588.558.760	166.723.418.041
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	17	94.253.826.604	18.944.283.238
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		-	181.499.819
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	18	2.745.194.993	4.257.709.940
314	4. Phải trả người lao động		5.887.701.835	5.884.327.455
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	19	11.849.350.192	8.922.853.244
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	20	6.857.774.409	6.433.400.771
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	21	10.944.204.199	8.873.950.569
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	22	219.262.127.275	106.888.074.226
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	23	8.788.379.253	6.337.318.779
330	II. Nợ dài hạn		332.693.240.830	350.898.864.463
337	1. Phải trả dài hạn khác	21	3.840.443.123	6.356.936.469
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	22	308.093.960.229	323.696.676.906
341	3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	32.2	1.473.258.945	1.531.255.285
343	4. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	24	19.285.578.533	19.313.995.803
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.698.693.158.880	1.707.388.750.688
410	I. Vốn chủ sở hữu	25	1.698.693.158.880	1.707.388.750.688
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		999.998.660.000	999.998.660.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		999.998.660.000	999.998.660.000
411b	- Cổ phiếu ưu đãi		-	-
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		599.555.780.400	599.555.780.400
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		99.138.718.480	107.834.310.288
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		7.834.444.288	19.152.856.197
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		91.304.274.192	88.681.454.091
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		2.391.974.958.470	2.225.011.033.192

Kế toán trưởng
Nguyễn Hồng Phương

Giám đốc Tài chính
Lê Thanh Sơn



Chủ tịch Điều hành Tập đoàn
Nguyễn Trung Chính

Ngày 29 tháng 6 năm 2021

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2021

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu cung cấp dịch vụ	27.1	137.818.291.502	130.298.547.648
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	27.1	-	-
10	3. Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ [10 = 01 - 02]	27.1	137.818.291.502	130.298.547.648
11	4. Giá vốn dịch vụ cung cấp	28	76.567.968.112	75.956.905.085
20	5. Lợi nhuận gộp về cung cấp dịch vụ [20 = 10 - 11]		61.250.323.390	54.341.642.563
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	27.2	145.609.387.430	128.382.792.103
22	7. Chi phí tài chính	29	18.364.858.440	3.418.229.894
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		16.019.820.563	15.194.081.556
25	8. Chi phí bán hàng		91.729.290	478.161.317
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	30	76.079.577.862	69.924.397.116
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20 + 21 - 22 - 25 - 26]		112.323.545.228	108.903.646.339
31	11. Thu nhập khác		250.209.850	684.398.518
32	12. Chi phí khác		55.000.000	-
40	13. Lợi nhuận khác [40 = 31 - 32]		195.209.850	684.398.518
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế [50 = 30 + 40]		112.518.755.078	109.588.044.857
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	32.1	2.571.601.784	4.072.881.565
52	16. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	32.2	(57.996.340)	(57.996.340)
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN [60 = 50 - 51 - 52]		110.005.149.634	105.573.159.632

Kế toán trưởng
Nguyễn Hồng Phương

Giám đốc Tài chính
Lê Thanh Sơn



Chủ tịch Điều hành Tập đoàn
Nguyễn Trung Chính

Ngày 29 tháng 6 năm 2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2021

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận trước thuế		112.518.755.078	109.588.044.857
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn tài sản cố định	11,12	19.896.741.161	20.579.390.721
03	Các khoản trích lập/(hoàn nhập) dự phòng		5.056.367.485	(11.775.851.662)
04	Lỗ/(lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		3.681.115	(896.049)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(145.609.339.929)	(128.381.896.060)
06	Chi phí lãi vay	29	16.019.820.563	15.194.081.556
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		7.886.025.473	5.202.873.363
09	Giảm các khoản phải thu		12.310.105.953	5.696.617.272
11	Giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)		(17.692.709.119)	(19.386.118.329)
12	(Tăng)/giảm chi phí trả trước		(674.732.789)	1.122.786.435
14	Tiền lãi vay đã trả		(16.887.874.819)	(14.419.775.029)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(4.072.881.565)	(1.424.292.870)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	18	(6.158.232.233)	(14.383.656.161)
20	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh		(25.290.299.099)	(37.591.565.319)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định		(244.313.943.738)	(89.989.352.011)
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(1.134.005.127.008)	(1.011.006.000.000)
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác		1.285.780.000.000	153.170.000.000
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(100.000.000.000)	(110.000.000.000)
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		182.172.678.110	99.213.033.997
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(10.366.392.636)	(958.612.318.014)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2021

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, tài phát hành cổ phiếu quỹ, nhận vốn góp chủ sở hữu		-	844.558.000.000
33	Tiền thu từ đi vay		350.779.048.374	258.897.960.886
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(254.567.712.006)	(228.214.164.843)
36	Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu		(99.739.887.220)	(107.570.124.664)
40	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào)/từ hoạt động tài chính		(3.528.550.852)	767.671.671.379
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(39.185.242.587)	(228.532.211.954)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		72.190.196.947	300.722.408.901
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	33.004.954.360	72.190.196.947

Kế toán trưởng
Nguyễn Hồng Phương

Giám đốc Tài chính
Lê Thanh Sơn



Chủ tịch Điều hành Tập đoàn
Nguyễn Trung Chính

Ngày 29 tháng 6 năm 2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

vào ngày 31 tháng 3 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100244112 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 7 tháng 2 năm 2007 và các giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi sau đó, với lần sửa đổi gần nhất là lần thứ 12 được cấp ngày 28 tháng 9 năm 2020.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là:

- ▶ Dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính;
- ▶ Sản xuất phần mềm, cung cấp dịch vụ và giải pháp về phần mềm và nội dung;
- ▶ Sản xuất, kinh doanh, sửa chữa máy móc, thiết bị điện tử, truyền thông và công nghệ thông tin (“CNTT”);
- ▶ Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng dịch vụ đi thuê;
- ▶ Các hoạt động viễn thông; và
- ▶ Các hoạt động khác theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính tại Tòa nhà CMC Tower, số 11 Phố Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam và một chi nhánh tại tầng 9, tòa nhà TNA, số 111 – 112 Ngô Gia Tự, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 3 năm 2021 là 96 (ngày 31 tháng 3 năm 2020: 97).

Cơ cấu tổ chức

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2021, Công ty có 14 công ty con. Thông tin chi tiết về các công ty con và tỷ lệ lợi ích của Công ty trong các công ty con này như sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH Tổng Công ty Công nghệ và Giải pháp CMC	Hà Nội	Cung cấp các giải pháp về CNTT	100%	100%
Công ty TNHH Công nghệ và Giải pháp CMC Sài Gòn (i)	Hồ Chí Minh	Cung cấp các giải pháp về CNTT	100%	100%
Công ty Cổ phần Hạ tầng Viễn thông CMC	Hà Nội	Cung cấp dịch vụ viễn thông	54,63%	54,63%
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại CMC	Hà Nội	Phân phối các sản phẩm CNTT	100%	100%
Công ty TNHH CMC Global	Hà Nội	Dịch vụ phần mềm	100%	100%
Công ty TNHH Sản xuất và Dịch vụ CMC	Hà Nội	Sản xuất, lắp ráp phân phối máy tính	100%	100%
Công ty Cổ phần Liên doanh Ciber – CMC	Hà Nội	Dịch vụ phần mềm	51%	51%
Công ty TNHH CMC Blue France (ii)	Cộng hòa Pháp	Cung cấp dịch vụ thuê ngoài BPO, ITO	100%	100%
Viện nghiên cứu Ứng dụng Công nghệ CMC	Hà Nội	Nghiên cứu, triển khai ứng dụng công nghệ cao, công nghệ mới thuộc các lĩnh vực ICT	100%	100%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 3 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

Tên đơn vị	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH Giải pháp Phần mềm CMC (i)	Hà Nội	Dịch vụ phần mềm	100%	100%
Công ty TNHH An ninh An toàn Thông tin CMC (i)	Hà Nội	Cung cấp giải pháp an toàn an ninh thông tin	100%	100%
Công ty Cổ phần CMC Japan (i)	Nhật Bản	Dịch vụ phần mềm	100%	100%
Công ty TNHH CMC Châu Á Thái Bình Dương (i) (iii)	Singapore	Dịch vụ phần mềm	100%	100%
Công ty TNHH CMC Đà Nẵng (iv)	Đà Nẵng	Cung cấp linh kiện điện tử	100%	100%

(i) Tập đoàn gián tiếp nắm giữ lợi ích và quyền biểu quyết tại các đơn vị này thông qua các công ty con lần lượt là Công ty TNHH Tổng Công nghệ và Giải pháp CMC và Công ty TNHH CMC Global.

(ii) Công ty TNHH CMC Blue France đã tạm dừng hoạt động.

(iii) Đây là một công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập do Công ty TNHH CMC Global, một công ty con của Công ty, theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 202023266E do cơ quan quản lý doanh nghiệp Singapore cấp ngày 7 tháng 8 năm 2020 và Giấy Chứng nhận Đăng ký Đầu tư ra nước ngoài số 202000890 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp lần đầu ngày 11 tháng 11 năm 2020. Hoạt động chính theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của công ty này là cung cấp dịch vụ phần mềm, lập trình máy tính và dịch vụ công nghệ thông tin với tổng vốn đầu tư được đăng ký là 300.000 đô la Singapore. Tại ngày của báo cáo tài chính riêng này, Công ty TNHH CMC Global chưa tiến hành góp vốn vào công ty này và công ty này chưa thực hiện các hoạt động kinh doanh chính.

(iv) Trong năm, Công ty đã tiến hành góp vốn thành lập Công ty TNHH CMC Đà Nẵng, một công ty trách nhiệm hữu hạn hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0402076707 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 31 tháng 12 năm 2020 với tổng vốn điều lệ được đăng ký là 100 tỷ đồng. Hoạt động chính theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của công ty này là sản xuất linh kiện điện tử, máy vi tính, thiết bị ngoại vi máy vi tính, thiết bị truyền thông, xuất bản phần mềm.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng

Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC là công ty mẹ có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 1 và Thuyết minh số 15. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin quy định tại Thông tư 96/2020/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 10 năm 2015 – Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại Thông tư này, Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2021 vào ngày 29 tháng 6 năm 2021.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng cần đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 4 và kết thúc vào ngày 31 tháng 3 của năm tiếp theo.

2.5 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.2 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.3 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.4 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

Trong trường hợp Công ty là bên cho thuê

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là tài sản cố định trên bảng cân đối kế toán riêng. Chi phí trực tiếp ban đầu để thương thảo, thỏa thuận cho thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh và phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo thời hạn của hợp đồng thuê. Thu nhập từ tiền cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	39 - 48 năm
Máy móc và thiết bị	3 - 15 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 5 năm
Bản quyền, bằng sáng chế	5 năm
Phần mềm máy tính	3 - 8 năm

3.7 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

3.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ của khoản tiền thuê đất đã trả theo hợp đồng thuê đất ký với Ban quản lý khu công nghệ cao thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 11 tháng 8 năm 2011 trong thời hạn 50 năm. Theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, khoản tiền thuê đất trả trước này được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.9 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty con

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ lợi nhuận thuần lũy kế của công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm về giá trị của các khoản đầu tư tại ngày kết thúc năm kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.10 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch; và
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.12 Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được trích lập để tạo nguồn đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ của Tập đoàn theo hướng dẫn tại Nghị định 95/2014/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 17 tháng 10 năm 2014 và Thông tư liên tịch số 12/2016/TTLT-BKHCN-BTC do Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 6 năm 2016. Số tiền trích quỹ hàng năm được Hội đồng Quản trị Công ty phê duyệt dựa trên kế hoạch chi tiêu cho hoạt động phát triển khoa học và công nghệ hàng năm và được trích lập từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp.

3.13 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị Công ty và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ được thực hiện và hoàn thành vào ngày kết thúc năm kế toán.

Tiền cho thuê

Doanh thu từ hoạt động cho thuê văn phòng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

3.15 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hiện hành (tiếp theo)

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính riêng.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản góp vốn liên doanh khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán năm khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.16 Thông tin theo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Bộ phận theo hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu được xác định dựa trên loại hình sản phẩm và dịch vụ cung cấp.

3.17 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Tiền mặt	1.140.161.128	586.527.349
Tiền gửi ngân hàng	1.864.793.232	1.603.669.598
Các khoản tương đương tiền (*)	30.000.000.000	70.000.000.000
TỔNG CỘNG	33.004.954.360	72.190.196.947

(*) Các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 3 năm 2021 bao gồm các khoản tiền gửi tại ngân hàng bằng đồng Việt Nam với kỳ hạn 1 tháng và hưởng lãi suất 3%/năm (ngày 31 tháng 3 năm 2020: từ 4,75%/năm đến 4,9%/năm).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

5. ĐẦU TƯ NẮM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn tại ngày 31 tháng 3 năm 2021 bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng bằng đồng Việt Nam với kỳ hạn từ 6 đến 12 tháng, hưởng lãi suất từ 7,4%/năm đến 8,5%/năm (ngày 31 tháng 3 năm 2020: từ 6,1%/năm đến 7,5%/năm).

Công ty đã sử dụng một số hợp đồng tiền gửi làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay thấu chi tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – BIDV (Thuyết minh số 22).

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

6.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu từ khách hàng	8.555.453.734	8.580.622.924
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	5.170.000.000	4.798.475.000
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	-	2.329.257.332
- Các khoản phải thu khách hàng khác	3.385.453.734	1.452.890.592
Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh số 33)	8.550.149.700	6.217.578.958
TỔNG CỘNG	17.105.603.434	14.798.201.882
Dự phòng nợ phải thu khó đòi (Thuyết minh số 6.3)	(938.064.932)	(938.064.932)

6.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước cho người bán	11.881.008.886	40.189.470.392
- Công ty Cổ phần Xây dựng Central	-	38.848.099.685
- Công ty Cổ phần Cơ Điện Đoàn Nhất	5.604.022.392	-
- Công ty Cổ phần Liên doanh Thái Bình Dương	1.998.531.405	-
- Công ty TNHH Schindler Việt Nam	1.772.670.000	-
- Trả trước cho người bán khác	2.505.785.089	1.341.370.707
Trả trước cho các bên liên quan (Thuyết minh số 33)	5.609.255.041	2.645.905.441
TỔNG CỘNG	17.490.263.927	42.835.375.833
Dự phòng nợ phải thu khó đòi (Thuyết minh số 6.3)	(164.759.188)	(164.759.188)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN (tiếp theo)

6.3 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	11.567.198.398	11.567.198.398
Dự phòng trích lập trong năm	2.715.010.723	-
Số cuối năm	14.282.209.121	11.567.198.398
<i>Trong đó:</i>		
Dự phòng phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh số 6.1)	938.064.932	938.064.932
Dự phòng trả trước cho người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 6.2)	164.759.188	164.759.188
Dự phòng phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh số 8)	13.179.385.001	10.464.374.278

7. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Cho vay bên liên quan (Thuyết minh số 33)	61.976.000.000	6.006.000.000
TỔNG CỘNG	61.976.000.000	6.006.000.000

Chi tiết các khoản phải thu về cho vay ngắn hạn bên liên quan được trình bày như sau:

Bên vay	Số cuối năm (VND)	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất	Hình thức đảm bảo
Công ty TNHH Tổng Công ty Công nghệ và Giải pháp CMC	40.000.000.000	Gốc và lãi cho vay được thu hồi vào ngày 25 tháng 5 năm 2021.	5%/năm	Toàn bộ giá trị hàng hóa và các khoản phải thu phát sinh từ hoạt động kinh doanh.
Công ty TNHH Sản xuất và Dịch vụ CMC	4.200.000.000	Gốc và lãi cho vay được thu hồi vào ngày 19 tháng 4 năm 2021.	5,5%/năm	Toàn bộ giá trị hàng hóa và các khoản phải thu phát sinh từ hoạt động kinh doanh.
Công ty TNHH Công nghệ và Giải pháp CMC Sài Gòn	17.776.000.000	Gốc và lãi cho vay được thu hồi vào ngày 26 tháng 11 năm 2021.	6%/năm	Tín chấp.
TỔNG CỘNG	61.976.000.000			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

8. PHẢI THU KHÁC

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn				
Phải thu từ cổ tức, lợi nhuận được chia	62.278.745.435	-	108.276.462.106	-
Lãi dự thu	16.232.194.823	-	39.588.066.908	-
Các khoản chi hộ	12.186.412.249	(8.965.065.001)	11.684.694.727	(6.250.054.278)
Tạm ứng cho nhân viên	14.707.130.431	-	8.899.805.152	-
Phải thu về chuyển nhượng cổ phần	3.500.000.000	(3.500.000.000)	3.500.000.000	(3.500.000.000)
Phải thu ngắn hạn khác	2.448.849.809	(714.320.000)	1.183.522.434	(714.320.000)
TỔNG CỘNG	111.353.332.747	(13.179.385.001)	173.132.551.327	(10.464.374.278)
Dài hạn				
Phải thu từ cổ tức, lợi nhuận được chia	43.540.107.000	-	20.000.000.000	-
Ký quỹ, ký cược	5.020.000.000	-	5.000.000.000	-
TỔNG CỘNG	48.560.107.000	-	25.000.000.000	-
<i>Trong đó</i>				
<i>Phải thu ngắn hạn khác từ các bên liên quan (Thuyết minh số 33)</i>	<i>77.385.597.097</i>	<i>(8.965.065.001)</i>	<i>121.680.408.698</i>	<i>(6.250.054.278)</i>
<i>Phải thu dài hạn khác từ các bên liên quan (Thuyết minh số 33)</i>	<i>43.540.107.000</i>	<i>-</i>	<i>20.000.000.000</i>	<i>-</i>
<i>Phải thu ngắn hạn khác từ bên thứ ba</i>	<i>33.967.735.650</i>	<i>(4.214.320.000)</i>	<i>51.452.142.629</i>	<i>(4.214.320.000)</i>
<i>Phải thu dài hạn khác từ bên thứ ba</i>	<i>5.020.000.000</i>	<i>-</i>	<i>5.000.000.000</i>	<i>-</i>

9. NỢ XẤU

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty TNHH CMC Blue France	6.250.054.278	-	6.250.054.278	-
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Geleximco	3.500.000.000	-	3.500.000.000	-
Chi nhánh Công ty TNHH Công nghệ và Giải pháp CMC Sài Gòn	2.715.010.723	-	-	-
Các khoản phải thu quá hạn thanh toán khác	1.817.144.120	-	1.817.144.120	-
TỔNG CỘNG	14.282.209.121	-	11.567.198.398	-

10. THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG ĐƯỢC KHẤU TRỪ

Thuế GTGT được khấu trừ tại ngày 31 tháng 3 năm 2021 chủ yếu phát sinh từ việc đầu tư xây dựng Dự án "Không gian sáng tạo CMC" tại khu chế xuất Tân Thuận, phường Tân Thuận Đông, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh với tổng mức đầu tư là 883 tỷ đồng.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Đơn vị tính: VND
Nguyên giá:					
Số đầu năm	205.829.862.300	163.205.337.422	6.277.280.000	3.743.608.176	379.056.087.898
- Mua trong năm	-	77.200.000	-	116.900.818	194.100.818
Số cuối năm	205.829.862.300	163.282.537.422	6.277.280.000	3.860.508.994	379.250.188.716
Trong đó:					
Đã khấu hao hết	-	85.070.951.216	-	2.228.812.696	87.299.763.912
Giá trị khấu hao lũy kế:					
Số đầu năm	39.925.817.240	111.430.977.043	1.306.025.607	3.094.815.160	155.757.635.050
- Khấu hao trong năm	4.541.003.004	11.521.858.298	595.296.966	465.129.213	17.123.287.481
Số cuối năm	44.466.820.244	122.952.835.341	1.901.322.573	3.559.944.373	172.880.922.531
Giá trị còn lại:					
Số đầu năm	165.904.045.060	51.774.360.379	4.971.254.393	648.793.016	223.298.452.848
Số cuối năm	161.363.042.056	40.329.702.081	4.375.957.427	300.564.621	206.369.266.185
Trong đó:					
Tài sản sử dụng để cầm cố/thế chấp	146.044.775.845	39.031.765.650	-	-	185.076.541.495

Công ty đã sử dụng một phần diện tích của tài sản cố định là Tòa nhà CMC, số 11 phố Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, Hà Nội làm văn phòng cho các công ty con, công ty liên kết và các đơn vị thứ ba khác thuê sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị tính: VND

	<i>Bản quyền, bằng sáng chế</i>	<i>Phần mềm máy tính</i>	<i>Khác</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:				
Số đầu năm	195.615.549	20.955.372.474	201.348.181	21.352.336.204
- Mua trong năm	-	1.090.967.000	-	1.090.967.000
Số cuối năm	195.615.549	22.046.339.474	201.348.181	22.443.303.204
<i>Trong đó:</i>				
<i>Đã hao mòn hết</i>	-	18.297.043.517	99.000.000	18.396.043.517
Giá trị hao mòn lũy kế:				
Số đầu năm	134.410.261	17.118.911.577	136.215.835	17.389.537.673
- Hao mòn trong năm	18.034.999	2.718.290.958	37.127.723	2.773.453.680
Số cuối năm	152.445.260	19.837.202.535	173.343.558	20.162.991.353
Giá trị còn lại:				
Số đầu năm	61.205.288	3.836.460.897	65.132.346	3.962.798.531
Số cuối năm	43.170.289	2.209.136.939	28.004.623	2.280.311.851

13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BÀN DỜ DANG

Đơn vị tính: VND

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Dự án "Không gian sáng tạo CMC" (*)	447.914.275.082	135.864.385.254
Dự án "Security Operation Center"	4.036.150.010	-
Phần mềm SAP Finance	1.530.760.000	-
Phần mềm chấm công Payroll	700.000.000	210.000.000
Phần mềm EOFFICE	-	654.580.200
TỔNG CỘNG	454.181.185.092	136.728.965.454

(*) Đây là dự án xây dựng tòa nhà văn phòng của Công ty tại khu chế xuất Tân Thuận, phường Tân Thuận Đông, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh. Công ty đã sử dụng toàn bộ các tài sản sẽ được hình thành từ Dự án này làm tài sản đảm bảo cho khoản vay dài hạn tại ngân hàng thương mại như được trình bày tại Thuyết minh số 22.

14. CHI PHÍ ĐI VAY ĐƯỢC VỐN HÓA

Trong năm, Công ty đã vốn hóa chi phí đi vay thuần với giá trị là 16,6 tỷ VND (cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2020: 7,1 tỷ VND) cho Dự án "Không gian sáng tạo CMC".

Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 3 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

15. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm		Đơn vị tính: VND
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	
Đầu tư vào công ty con	745.440.014.767	(30.598.827.801)	714.841.186.966	645.440.014.767	617.182.543.728
Công ty TNHH Tổng Công ty Công nghệ và Giải pháp CMC	200.000.000.000	-	200.000.000.000	200.000.000.000	200.000.000.000
Công ty Cổ phần Hạ tầng Viễn thông CMC	184.544.390.000	-	184.544.390.000	184.544.390.000	184.544.390.000
Công ty TNHH CMC Global	130.000.000.000	-	130.000.000.000	130.000.000.000	130.000.000.000
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại CMC	100.000.000.000	(25.234.291.801)	74.765.708.199	100.000.000.000	77.107.064.961
Công ty TNHH Sản xuất và Dịch vụ CMC	10.300.105.507	-	10.300.105.507	10.300.105.507	10.300.105.507
Công ty Cổ phần Liên doanh Cyber – CMC	10.230.983.260	-	10.230.983.260	10.230.983.260	10.230.983.260
Công ty TNHH CMC Blue France Viện nghiên cứu Ứng dụng Công nghệ CMC	5.364.536.000	(5.364.536.000)	-	5.364.536.000	(5.364.536.000)
Công ty TNHH CMC Đà Nẵng	5.000.000.000	-	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000
100.000.000.000	-	100.000.000.000	-	-	-
Đầu tư vào công ty liên kết	7.258.356.000	-	7.258.356.000	7.258.356.000	7.258.356.000
Công ty Cổ phần Netnam	7.258.356.000	-	7.258.356.000	7.258.356.000	7.258.356.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	65.635.127.008	-	65.635.127.008	43.380.000.000	43.380.000.000
TỔNG CỘNG	818.333.497.775	(30.598.827.801)	787.734.669.974	696.078.370.767	667.820.899.728

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết do cổ phiếu của các đơn vị này chưa được niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

15. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

15.1 Đầu tư vào các công ty con

Tên đơn vị	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Tỷ lệ sở hữu (%)	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Tỷ lệ biểu quyết (%)
Công ty TNHH Tổng Công ty Công nghệ và Giải pháp CMC	100%	100%	100%	100%
Công ty Cổ phần Hạ tầng Viễn thông CMC	54,63%	54,63%	54,63%	54,63%
Công ty TNHH CMC Global	100%	100%	100%	100%
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại CMC	100%	100%	100%	100%
Công ty TNHH Sản xuất và Dịch vụ CMC	100%	100%	100%	100%
Công ty Cổ phần Liên doanh Ciber – CMC	51%	51%	51%	51%
Công ty TNHH CMC Blue France	100%	100%	100%	100%
Viện nghiên cứu Ứng dụng Công nghệ CMC	100%	100%	100%	100%
Công ty TNHH CMC Đà Nẵng	100%	100%	-	-

Thông tin chi tiết về các công ty con này được trình bày tại Thuyết minh số 1.

15.2 Đầu tư vào công ty liên kết

Đầu tư vào công ty liên kết thể hiện khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Netnam, là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0100896284 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu vào ngày 2 tháng 6 năm 2010. Công ty này có trụ sở chính tại số 18, đường Hoàng Quốc Việt, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, Hà Nội. Hoạt động chính của công ty này là cung cấp dịch vụ mạng internet. Tại ngày 31 tháng 3 năm 2021 và ngày 31 tháng 3 năm 2020, Công ty nắm giữ 41,1% phần vốn chủ sở hữu và quyền biểu quyết trong công ty liên kết này.

15.3 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Đơn vị tính: VND			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Trái phiếu				
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (i)	35.000.000.000	35.000.000.000	43.380.000.000	43.380.000.000
- Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp – CTCP (ii)	30.635.127.008	30.635.127.008	-	-
TỔNG CỘNG	65.635.127.008	65.635.127.008	43.380.000.000	43.380.000.000

(i) Đây là các khoản đầu tư vào trái phiếu tại ngày 31 tháng 3 năm 2021 (không có tài sản đảm bảo) của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam có thời hạn 7 năm với lãi suất thả nổi bằng lãi suất tham chiếu + 0,8%/năm và đáo hạn vào ngày 25 tháng 11 năm 2026. Tiền lãi trái phiếu được trả hàng năm và gốc được thanh toán tại thời điểm đáo hạn. Công ty cũng đã cầm cố khoản đầu tư vào trái phiếu này để đảm bảo cho khoản vay thấu chi tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - BIDV (Thuyết minh số 22).

(ii) Đây là khoản đầu tư vào trái phiếu của Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp – CTCP có thời hạn 2 năm, hưởng lãi suất 10,6%/năm và được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất của đơn vị phát hành. Khoản trái phiếu này đáo hạn vào ngày 31 tháng 8 năm 2022, tiền lãi được thanh toán định kỳ 6 tháng/lần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí thuê đất trả trước	7.406.481.348	7.592.198.880
Chi phí cải tạo văn phòng	932.305.648	346.613.497
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	197.130.666	415.738.908
Chi phí môi giới cho thuê văn phòng	126.907.580	39.156.157
Chi phí trả trước dài hạn khác	462.008.610	545.877.094
TỔNG CỘNG	9.124.833.852	8.939.584.536

17. PHẢI TRẢ CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Đơn vị tính: VND			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả cho người bán khác	60.529.500.466	60.529.500.466	5.964.351.398	5.964.351.398
- Công ty Cổ phần Xây dựng Central	57.790.427.982	57.790.427.982	-	-
- Công ty Cổ phần Sản xuất Xây dựng Hưng Long Phước	-	-	5.617.421.515	5.617.421.515
- Các nhà cung cấp khác	2.739.072.484	2.739.072.484	346.929.883	346.929.883
Phải trả cho các bên liên quan (Thuyết minh số 33)	33.724.326.138	33.724.326.138	12.979.931.840	12.979.931.840
TỔNG CỘNG	94.253.826.604	94.253.826.604	18.944.283.238	18.944.283.238

18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Đơn vị tính: VND			
	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế giá trị gia tăng	-	1.192.236.002	(1.192.236.002)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuyết minh số 32.1)	4.052.669.342	2.571.601.784	(4.072.881.565)	2.551.389.561
Thuế thu nhập cá nhân	184.828.375	4.016.432.804	(4.027.667.970)	173.593.209
Thuế khác	-	33.682.350	(33.682.350)	-
TỔNG CỘNG	4.237.497.717	7.813.952.940	(9.326.467.887)	2.724.982.770
Trong đó:				
Thuế phải nộp	4.257.709.940			2.745.194.993
Thuế phải thu	(20.212.223)			(20.212.223)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Chi phí xây dựng, sửa chữa	5.822.990.000	5.788.221.818
Chi phí dịch vụ	5.093.030.058	2.451.820.458
Chi phí thuê đất	251.229.150	251.229.150
Thù lao HĐQT và BKS	243.000.000	243.000.000
Chi phí khác	439.100.984	188.581.818
TỔNG CỘNG	<u>11.849.350.192</u>	<u>8.922.853.244</u>

20. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN

Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn bao gồm các khoản tiền thuê văn phòng nhận trước từ các khách hàng là bên thứ ba.

21. PHẢI TRẢ KHÁC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Ngắn hạn		
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	6.539.621.926	4.509.849.634
Cổ tức phải trả	1.976.633.675	1.716.654.895
Phải trả tiền lãi vay	549.023.354	1.673.106.621
Kinh phí công đoàn	381.871.514	275.881.714
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.497.053.730	698.457.705
TỔNG CỘNG	<u>10.944.204.199</u>	<u>8.873.950.569</u>
Dài hạn		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	3.840.443.123	6.356.936.469
TỔNG CỘNG	<u>3.840.443.123</u>	<u>6.356.936.469</u>
<i>Trong đó</i>		
<i>Phải trả khác từ các bên liên quan</i>		
<i>(Thuyết minh số 33)</i>		
<i>Phải trả khác từ bên thứ ba</i>	549.023.354	573.247.654
	14.235.623.968	14.657.639.384

Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 3 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm		Đơn vị tính: VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
Ngắn hạn							
Vay thấu chi ngân hàng (i)	49.229.185.113	49.229.185.113	166.898.260.077	(196.705.736.882)	19.421.708.308	19.421.708.308	
Vay đối tượng khác (ii)	52.227.091.113	52.227.091.113	59.944.862.978	(12.331.535.124)	99.840.418.967	99.840.418.967	
Vay dài hạn đến hạn trả (iii)	5.431.798.000	5.431.798.000	-	(5.431.798.000)	-	-	
Vay bên liên quan (Thuyết minh số 33)	-	-	100.000.000.000	-	100.000.000.000	100.000.000.000	
TỔNG CỘNG	106.888.074.226	106.888.074.226	326.843.123.055	(214.469.070.006)	219.262.127.275	219.262.127.275	
Dài hạn							
Vay ngân hàng (iii)	25.936.676.902	25.936.676.902	23.935.925.319	(40.098.642.000)	9.773.960.221	9.773.960.221	
Trái phiếu (iv)	297.760.000.004	297.760.000.004	560.000.004	-	298.320.000.008	298.320.000.008	
TỔNG CỘNG	323.696.676.906	323.696.676.906	24.495.925.323	(40.098.642.000)	308.093.960.229	308.093.960.229	

(i) Đây là các khoản vay thấu chi từ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – BIDV với lãi suất là 6,9%/năm. Công ty đã sử dụng các khoản tiền gửi có kỳ hạn, trái phiếu và một phần tài sản cố định hữu hình làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay thấu chi này.

(ii) Đây là các khoản vay từ một số cá nhân với thời hạn vay là 1 năm kể từ ngày giải ngân và khoản vay cuối cùng sẽ đáo hạn vào ngày 20 tháng 1 năm 2022. Lãi suất áp dụng cho các khoản vay này từ 8%/năm, lãi vay trả hàng quý theo hình thức nhập gốc sau khi đã trừ thuế thu nhập cá nhân.

(iii) Đây là khoản vay dài hạn từ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Vietcombank với lãi suất năm đầu tiên là 8%/năm và lãi suất từ năm thứ hai bằng lãi suất huy động tiết kiệm đồng Việt Nam dành cho cá nhân kỳ hạn 12 tháng, trả lãi sau của ngân hàng cộng với biên độ lãi suất là 2,6%/năm. Công ty đã sử dụng toàn bộ máy móc, thiết bị, quyền sử dụng đất và tài sản trên đất hình thành trong tương lai thuộc Dự án "Không gian sáng tạo CMC" làm tài sản đảm bảo cho khoản vay dài hạn này. Gốc và lãi vay được thanh toán định kỳ 6 tháng/lần theo kế hoạch trả nợ được ngân hàng thông báo.

(iv) Đây là khoản trái phiếu được Công ty phát hành vào ngày 29 tháng 3 năm 2019 cho Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – BIDV với kỳ hạn là 5 năm và chịu lãi suất cố định là 8,8%/năm áp dụng cho 2 kỳ tính lãi đầu tiên. Đối với các kỳ tính lãi tiếp theo, lãi suất được tính bằng trung bình cộng lãi suất tiền gửi tiết kiệm trả sau cho cá nhân thông thường bằng đồng Việt Nam, với kỳ hạn 12 tháng của 4 ngân hàng thương mại Việt Nam. Công ty đã sử dụng toàn bộ tài sản trên đất gắn liền với Tòa nhà CMC Tower và các quyền sở hữu, lợi ích phát sinh đối với phần vốn góp của Công ty tại Công ty TNHH CMC Global, Công ty TNHH Giải pháp Phần mềm CMC, và Công ty TNHH Tổng Công ty Công nghệ và Giải pháp CMC để đảm bảo cho khoản trái phiếu này. Gốc trái phiếu sẽ được chi trả toàn bộ tại thời điểm trái phiếu đáo hạn, lãi trái phiếu được trả định kỳ 6 tháng/lần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Số dư đầu năm	6.337.318.779	10.255.829.201
Trích lập quỹ trong năm (<i>Thuyết minh số 25.1</i>)	7.700.360.479	6.334.389.578
Sử dụng quỹ trong năm	<u>(5.249.300.005)</u>	<u>(10.252.900.000)</u>
Số dư cuối năm	<u>8.788.379.253</u>	<u>6.337.318.779</u>

24. QUỸ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Số dư đầu năm	19.313.995.803	19.354.258.665
Trích lập quỹ trong năm (<i>Thuyết minh số 25.1</i>)	11.000.514.963	10.557.315.964
Sử dụng quỹ trong năm	<u>(11.028.932.233)</u>	<u>(10.597.578.826)</u>
Số dư cuối năm	<u>19.285.578.533</u>	<u>19.313.995.803</u>

Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 3 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. VỐN CHỦ SỞ HỮU

25.1 Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu

Năm trước	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Đơn vị tính: VND
Số đầu năm	720.552.100.000	34.444.340.400	127.235.671.197	882.232.111.597
- Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	105.573.159.632	105.573.159.632
- Phát hành cổ phiếu riêng lẻ	250.000.000.000	600.000.000.000	-	850.000.000.000
- Tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn thặng dư cổ phần	29.446.560.000	(29.446.560.000)	-	-
- Chi phí phát hành cổ phiếu	-	(5.442.000.000)	-	(5.442.000.000)
- Chia cổ tức	-	-	(108.082.814.999)	(108.082.814.999)
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(6.334.389.578)	(6.334.389.578)
- Trích quỹ phát triển khoa học công nghệ	-	-	(10.557.315.964)	(10.557.315.964)
Số cuối năm	999.998.660.000	599.555.780.400	107.834.310.288	1.707.388.750.688
Năm nay				
Số đầu năm	999.998.660.000	599.555.780.400	107.834.310.288	1.707.388.750.688
- Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	110.005.149.634	110.005.149.634
- Chia cổ tức (i)	-	-	(99.999.866.000)	(99.999.866.000)
- Trích quỹ thưởng HĐQT và BKS (ii)	-	-	(1.100.051.501)	(1.100.051.501)
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (ii)	-	-	(6.600.308.978)	(6.600.308.978)
- Trích quỹ phát triển khoa học công nghệ (ii)	-	-	(11.000.514.963)	(11.000.514.963)
Số cuối năm	999.998.660.000	599.555.780.400	99.138.718.480	1.698.693.158.880

(i) Việc chia cổ tức từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2020 được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 số 01/2020/NQ-ĐHĐCĐ ngày 15 tháng 7 năm 2020 ("Nghị quyết năm 2020").

(ii) Công ty cũng đã thực hiện tạm phân phối các quỹ từ lợi nhuận sau thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2021 căn cứ theo kế hoạch phân phối lợi nhuận đã được phê duyệt tại Nghị quyết năm 2020.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

25.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Tổng số	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi	Tổng số	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi
Samsung SDS Asia Pacific Pte.Ltd	29.999.959	29.999.959	-	29.999.959	29.999.959	-
Công ty TNHH Đầu tư MVI	13.550.566	13.550.566	-	13.542.066	13.542.066	-
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp Hà Nội	10.012.037	10.012.037	-	10.012.037	10.012.037	-
Quý PYN Elite	5.082.836	5.082.836	-	4.996.316	4.996.316	-
Công ty TNHH Đầu tư Mỹ Linh	4.132.900	4.132.900	-	4.132.900	4.132.900	-
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	3.777.811	3.777.811	-	3.777.811	3.777.811	-
Tập đoàn Bảo Việt	3.777.811	3.777.811	-	3.777.811	3.777.811	-
Các cổ đông khác	29.665.946	29.665.946	-	29.760.966	29.760.966	-
TỔNG CỘNG	99.999.866	99.999.866	-	99.999.866	99.999.866	-

25.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Vốn đã góp		
Số đầu năm		720.552.100.000
Tăng trong năm	999.998.660.000	279.446.560.000
	-	
Số cuối năm	999.998.660.000	999.998.660.000
Cổ tức, lợi nhuận đã công bố	99.999.866.000	108.082.814.999
Cổ tức, lợi nhuận đã trả	99.739.887.220	107.570.124.664

25.4 Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ phiếu đã phát hành ra công chúng	99.999.866	99.999.866
Cổ phiếu phổ thông	99.999.866	99.999.866
Cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu đang lưu hành	99.999.866	99.999.866
Cổ phiếu phổ thông	99.999.866	99.999.866

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành là 10.000 VND/cổ phiếu.

26. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ các loại		
- Đô la Mỹ (USD)	6.150	1.227

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. DOANH THU

27.1 Doanh thu cung cấp dịch vụ

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	137.818.291.502	130.298.547.648
Trong đó:		
Doanh thu dịch vụ cho thuê văn phòng	114.189.141.825	107.806.243.483
Doanh thu cung cấp dịch vụ khác	23.629.149.677	22.492.304.165
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần	137.818.291.502	130.298.547.648
Trong đó:		
Doanh thu đối với bên thứ ba	70.325.953.953	74.550.360.596
Doanh thu đối với các bên liên quan (Thuyết minh số 33)	67.492.337.549	55.748.187.052

27.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Cổ tức và lợi nhuận được chia	89.191.649.593	90.009.818.737
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	56.417.690.336	38.372.077.317
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	896.049
Doanh thu hoạt động tài chính khác	47.501	-
TỔNG CỘNG	145.609.387.430	128.382.792.103

28. GIÁ VỐN DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của dịch vụ cho thuê văn phòng	53.526.215.884	53.464.600.920
Giá vốn cung cấp dịch vụ	23.041.752.228	22.492.304.165
TỔNG CỘNG	76.567.968.112	75.956.905.085

29. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	16.019.820.563	15.194.081.556
Dự phòng/(hoàn nhập dự phòng) đầu tư tài chính dài hạn	2.341.356.762	(11.775.851.662)
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	3.681.115	-
TỔNG CỘNG	18.364.858.440	3.418.229.894

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

30. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí nhân viên	30.660.121.619	31.505.522.155
Chi phí vật liệu	926.685.086	626.699.062
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.533.385.729	4.665.750.439
Chi phí dịch vụ mua ngoài	33.730.743.754	23.788.956.646
Các chi phí khác	6.228.641.674	9.337.468.814
TỔNG CỘNG	<u>76.079.577.862</u>	<u>69.924.397.116</u>

31. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí nguyên vật liệu	2.131.561.400	1.722.768.057
Chi phí nhân công	30.660.121.619	31.505.522.155
Chi phí dịch vụ mua ngoài	76.778.336.802	66.603.174.643
Chi phí khấu hao và hao mòn	19.896.741.161	20.579.390.721
Chi phí khác	23.272.514.282	25.948.607.942
TỔNG CỘNG	<u>152.739.275.264</u>	<u>146.359.463.518</u>

32. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") của Công ty là 20% trên tổng thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

32. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

32.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành

Dưới đây là đối chiếu giữa thu nhập chịu thuế và lợi nhuận trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	112.518.755.078	109.588.044.857
Các điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận theo kế toán		
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>		
Thù lao của thành viên Hội đồng Quản trị không chuyên trách	514.980.000	496.200.000
Các khoản điều chỉnh khác	289.981.704	289.981.704
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>		
Cổ tức và lợi nhuận được chia	(89.191.649.593)	(90.009.818.737)
Giảm khác	(2.193.824.290)	-
Thu nhập tính thuế ước tính trong năm hiện hành	21.938.242.899	20.364.407.824
Lỗi các năm trước chuyển sang	-	-
Thu nhập tính thuế sau căn trừ lỗi năm trước	21.938.242.899	20.364.407.824
Chi phí thuế TNDN ước tính trong năm hiện hành	4.387.648.580	4.072.881.565
Giảm do ưu đãi thuế theo Nghị quyết số 116/2020/QH14 về giảm thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2020	(1.316.294.574)	-
Điều chỉnh thuế TNDN trích thừa các năm trước	(499.752.222)	-
Chi phí thuế TNDN ước tính trong năm hiện hành sau ưu đãi thuế	2.571.601.784	4.072.881.565
Thuế TNDN phải trả đầu năm	4.052.669.342	1.404.080.647
Thuế TNDN đã nộp trong năm	(4.072.881.565)	(1.424.292.870)
Thuế TNDN phải trả cuối năm	2.551.389.561	4.052.669.342

32.2 Thuế thu nhập hoãn lại

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<i>Bảng cân đối kế toán riêng</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả				
Chênh lệch tạm thời do thời gian khấu hao tài sản	1.473.258.945	1.531.255.285		
Thu nhập thuế thu nhập hoãn lại tính vào báo cáo kết quả kinh doanh riêng			57.996.340	57.996.340

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

33. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

Đơn vị tính: VND

<i>Các bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Công ty Cổ phần Hạ tầng Viễn thông CMC	Công ty con	Doanh thu cung cấp dịch vụ	43.204.373.374	34.117.489.281
		Mua dịch vụ	890.197.271	907.556.561
		Cổ tức được chia	43.540.107.000	38.137.318.899
Công ty TNHH Tổng Công ty Công nghệ và Giải pháp CMC	Công ty con	Doanh thu cung cấp dịch vụ	10.368.956.906	9.956.130.260
		Mua dịch vụ	21.418.241.363	24.638.531.815
		Mua tài sản	21.116.650.251	-
		Cổ tức được chia	31.869.622.493	39.506.212.838
		Cho vay ngắn hạn	80.000.000.000	-
		Trả vay ngắn hạn	40.000.000.000	-
		Phải thu lãi cho vay	1.295.342.467	-
		Góp vốn	-	120.000.000.000
		Chuyển nhượng các công ty con khác trong cùng Tập đoàn	-	80.000.000.000
		Công ty TNHH CMC Global	Công ty con	Doanh thu cung cấp dịch vụ
Góp vốn	-			70.000.000.000
Công ty Cổ phần Liên doanh Ciber - CMC	Công ty con	Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.060.996.307	1.889.870.550
		Mua dịch vụ	396.360.665	445.570.831
		Mua tài sản	2.003.948.983	-
		Cổ tức được chia	-	3.480.000.000
Công ty TNHH Sản xuất và Dịch vụ CMC	Công ty con	Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.434.849.822	1.807.536.390
		Mua dịch vụ	3.061.626.948	2.583.799.900
		Mua tài sản	1.068.110.000	-
		Cho vay ngắn hạn	21.600.000.000	-
		Trả vay ngắn hạn	17.400.000.000	-
		Phải thu lãi cho vay	489.989.041	-
Công ty TNHH An ninh An toàn Thông tin CMC	Công ty con	Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.898.977.591	1.298.571.897
		Mua dịch vụ	2.106.500.000	3.030.000.000
Công ty TNHH Tổng Công ty Công nghệ và Giải pháp CMC Sài Gòn	Công ty con	Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.495.000	152.704.238
		Mua dịch vụ	469.686.800	6.699.988.909
		Cho vay ngắn hạn	11.770.000.000	6.006.000.000
		Phải thu lãi cho vay	951.749.205	-
Công ty TNHH Giải pháp Phần mềm CMC	Công ty con	Mua dịch vụ	6.615.272.727	10.020.000.000
Công ty Cổ phần NetNam	Công ty liên kết	Cổ tức được chia	13.781.920.100	8.886.287.000
Công ty TNHH CMC Đà Nẵng	Công ty con	Góp vốn	100.000.000.000	-
		Vay ngắn hạn	100.000.000.000	-
Viện nghiên cứu Ứng dụng Công nghệ CMC	Công ty con	Doanh thu cung cấp dịch vụ	226.399.053	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

33. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan:

Công ty bán hàng cũng như mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan trên cơ sở thỏa thuận theo hợp đồng.

Số dư các khoản phải thu, phải trả tại thời điểm ngày 31 tháng 3 năm 2021 không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền. Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2021, Công ty đã trích lập một dự phòng nợ phải thu khó đòi với giá trị là 8.965.065.001 VND liên quan đến số tiền các bên liên quan còn nợ Công ty (tại ngày 31 tháng 3 năm 2020: 6.250.054.278 VND). Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi năm thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Đơn vị tính: VND

<i>Các bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh số 6.1)				
Công ty TNHH Tổng Công ty Công nghệ và Giải pháp CMC	Công ty con	Phải thu cung cấp dịch vụ	-	2.845.700.066
Công ty TNHH CMC Global	Công ty con	Phải thu cung cấp dịch vụ	1.274.702.763	2.530.980.949
Công ty Cổ phần Hạ tầng Viễn thông CMC	Công ty con	Phải thu cung cấp dịch vụ	6.879.617.894	840.897.943
Công ty Cổ phần Liên doanh Ciber - CMC	Công ty con	Phải thu cung cấp dịch vụ	395.829.043	-
TỔNG CỘNG			<u>8.550.149.700</u>	<u>6.217.578.958</u>
Trả trước cho người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 6.2)				
Công ty Cổ phần Liên doanh Ciber - CMC	Công ty con	Trả trước cho dịch vụ cung cấp	2.645.905.441	2.645.905.441
Công ty TNHH Tổng Công ty Công nghệ và Giải pháp CMC	Công ty con	Trả trước cho dịch vụ cung cấp	2.963.349.600	-
TỔNG CỘNG			<u>5.609.255.041</u>	<u>2.645.905.441</u>
Phải thu về cho vay ngắn hạn (Thuyết minh số 7)				
Công ty TNHH Tổng công ty Công nghệ và giải pháp CMC	Công ty con	Phải thu về cho vay	40.000.000.000	-
Công ty TNHH Tổng Công ty Công nghệ và Giải pháp CMC Sài Gòn	Công ty con	Phải thu về cho vay	17.776.000.000	6.006.000.000
Công ty TNHH Sản xuất và Dịch vụ CMC	Công ty con	Phải thu về cho vay	4.200.000.000	-
TỔNG CỘNG			<u>61.976.000.000</u>	<u>6.006.000.000</u>

Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

33. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Đơn vị tính: VND	
			Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh số 8)				
Công ty TNHH Tổng Công ty Công nghệ và Giải pháp CMC	Công ty con	Phải thu cổ tức, lợi nhuận được chia Phải thu chi hộ	58.424.286.488 2.826.921.477	74.599.547.980 2.507.762.741
Công ty Cổ phần Hạ tầng Viễn thông CMC	Công ty con	Phải thu cổ tức, lợi nhuận được chia Phải thu chi hộ	- 185.979.976	18.137.318.899 5.766.915
Công ty TNHH Giải pháp Phần mềm CMC	Công ty con	Phải thu cổ tức, lợi nhuận được chia	2.374.458.947	12.059.595.227
Công ty TNHH CMC Blue France	Công ty con	Phải thu chi hộ	6.250.054.278	6.250.054.278
Công ty TNHH Tổng Công ty Công nghệ và Giải pháp CMC Sài Gòn	Công ty con	Phải thu chi hộ Phải thu lãi cho vay Phải thu khác	2.715.010.723 951.749.205 38.932.419	2.715.010.723 - -
Công ty Cổ phần liên doanh Cyber - CMC	Công ty con	Phải thu cổ tức, lợi nhuận được chia Phải thu chi hộ	1.480.000.000 106.353.460	3.480.000.000 -
Công ty TNHH CMC Global	Công ty con	Phải thu chi hộ	288.072.311	206.100.070
Công ty TNHH CMC Đà Nẵng	Công ty con	Phải thu chi hộ	12.000.000	-
Các cá nhân liên quan khác	Bên liên quan khác	Phải thu khác	1.731.777.813	1.719.251.865
TỔNG CỘNG			77.385.597.097	121.680.408.698
Phải thu dài hạn khác (Thuyết minh số 8)				
Công ty Cổ phần Hạ tầng Viễn thông CMC	Công ty con	Phải thu cổ tức được chia (*)	43.540.107.000	20.000.000.000
TỔNG CỘNG			43.540.107.000	20.000.000.000

(*) Số dư tại ngày 31 tháng 3 năm 2021 bao gồm khoản cổ tức được chia từ lợi nhuận của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2021 của Công ty Cổ phần Hạ tầng Viễn thông CMC và sẽ được trả vào tháng 4 năm 2022.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

33. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

<i>Các bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 17)				
Công ty TNHH Tổng Công ty Công nghệ và Giải pháp CMC	Công ty con	Mua dịch vụ	30.468.477.912	11.362.696.332
Công ty TNHH An ninh An toàn Thông tin CMC	Công ty con	Mua dịch vụ	695.386.239	1.000.251.764
Công ty TNHH Tổng Công ty Công nghệ và Giải pháp CMC Sài Gòn	Công ty con	Mua dịch vụ	-	338.164.081
Công ty TNHH Sản xuất và Dịch vụ CMC	Công ty con	Mua dịch vụ	2.560.461.987	278.819.663
TỔNG CỘNG			33.724.326.138	12.979.931.840
Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh số 21)				
Các cá nhân liên quan khác	Bên liên quan khác	Phải trả khác	549.023.354	573.247.654
TỔNG CỘNG			549.023.354	573.247.654
Vay ngắn hạn (Thuyết minh số 22)				
Công ty TNHH CMC Đà Nẵng (*)	Công ty con	Vay ngắn hạn	100.000.000.000	-
TỔNG CỘNG			100.000.000.000	-

(*) Đây là khoản vay tín chấp, có kỳ hạn trả gốc và lãi vào ngày 26 tháng 3 năm 2022 và chịu lãi suất là 3%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

33. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành và Ban kiểm soát:

Tên	Chức vụ	Đơn vị tính: VND	
		Thu nhập (*)	
		Năm nay	Năm trước
Ông Nguyễn Trung Chính	Chủ tịch Hội đồng Quản trị	430.800.000	118.800.000
	Chủ tịch Điều hành Tập đoàn		
Ông Nguyễn Phước Hải	Thành viên HĐQT	199.200.000	79.200.000
	Phó Chủ tịch Cấp cao Tập đoàn		
	– Giám đốc Quản trị		
Ông Nguyễn Minh Đức	Thành viên HĐQT	79.200.000	79.200.000
Ông Trương Tuấn Lâm	Thành viên HĐQT	79.200.000	79.200.000
Ông Nguyễn Danh Lam	Thành viên HĐQT	79.200.000	79.200.000
Ông Lê Việt Hà	Thành viên HĐQT	79.200.000	79.200.000
Ông Hà Thế Vinh	Thành viên HĐQT	79.200.000	59.400.000
Ông Jeong Sam Yong	Thành viên HĐQT	79.200.000	29.700.000
Ông Kim Jung Wuk	Thành viên HĐQT	56.100.000	-
Ông Suh Jae Il	Thành viên HĐQT	6.600.000	29.700.000
Ông Nguyễn Kim Cương (từ nhiệm ngày 1 tháng 10 năm 2019)	Thành viên HĐQT	-	39.600.000
Ông Tạ Hoàng Linh (từ nhiệm ngày 1 tháng 10 năm 2019)	Thành viên HĐQT	-	39.600.000
Bà Vũ Thị Phương Thanh	Trưởng Ban kiểm soát	99.600.000	99.600.000
Ông Trương Thanh Phúc	Thành viên Ban kiểm soát	60.000.000	60.000.000
Ông Nguyễn Thành Nam	Thành viên Ban kiểm soát	60.000.000	60.000.000
Ông Hồ Thanh Tùng	Phó Chủ tịch Điều hành Cấp cao Tập đoàn - Phụ trách điều hành hoạt động Công ty	634.000.000	713.000.000
	Quyền Tổng giám đốc		
Ông Hoàng Ngọc Hùng	Phó Chủ tịch Điều hành Tập đoàn	660.000.000	987.400.000
Ông Lê Thanh Sơn	Phó Chủ tịch Cấp cao Tập đoàn	1.170.000.000	1.120.000.000
	– Giám đốc Tài chính		
Ông Lương Tuấn Thành	Phó Chủ tịch Cấp cao Tập đoàn	341.750.000	-
	– Giám đốc Công nghệ		
Ông Nguyễn Hồng Sơn (từ nhiệm ngày 1 tháng 2 năm 2020)	Phó Tổng Giám đốc	-	1.001.400.000
TỔNG CỘNG		4.193.250.000	4.754.200.000

(*) bao gồm tiền lương, thù lao, tiền thưởng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

34. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Công ty lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp. Các bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận báo cáo thứ yếu. Các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ các thị trường khác nhau.

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>		
	<i>Lĩnh vực cho thuê văn phòng</i>	<i>Lĩnh vực cung cấp dịch vụ và hàng hóa khác</i>	<i>Tổng cộng</i>
Tại ngày 31 tháng 3 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày			
Doanh thu cung cấp dịch vụ ra bên ngoài			
Tổng doanh thu	114.189.141.825	23.629.149.677	137.818.291.502
Kết quả			
Lợi nhuận gộp của bộ phận	60.662.925.941	587.397.449	61.250.323.390
Chi phí bán hàng	(91.729.290)	-	(91.729.290)
Thu nhập, chi phí không phân bổ (i)			51.360.160.978
Lợi nhuận thuần trước thuế			112.518.755.078
Chi phí thuế TNDN hiện hành			(2.571.601.784)
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại			57.996.340
Lợi nhuận thuần sau thuế			110.005.149.634
Tài sản và công nợ			
<i>Tài sản bộ phận</i>	190.776.563.961	12.539.818.221	203.316.382.182
<i>Tài sản không phân bổ (ii)</i>			2.188.658.576.288
Tổng tài sản			2.391.974.958.470
<i>Nợ phải trả bộ phận</i>	6.857.774.409	33.724.326.138	40.582.100.547
<i>Nợ phải trả không phân bổ (iii)</i>			652.699.699.043
Tổng nợ phải trả			693.281.799.590
Tại ngày 31 tháng 3 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày			
Doanh thu cung cấp dịch vụ ra bên ngoài			
Tổng doanh thu	107.806.243.483	22.492.304.165	130.298.547.648
Kết quả			
Lợi nhuận gộp của bộ phận	54.341.642.563	-	54.341.642.563
Chi phí bán hàng	(478.161.317)	-	(478.161.317)
Thu nhập, chi phí không phân bổ (i)			55.724.563.611
Lợi nhuận thuần trước thuế			109.588.044.857
Chi phí thuế TNDN hiện hành			(4.072.881.565)
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại			57.996.340
Lợi nhuận thuần sau thuế			105.573.159.632
Tài sản và công nợ			
<i>Tài sản bộ phận</i>	188.066.887.842	9.986.127.308	198.053.015.150
<i>Tài sản không phân bổ (ii)</i>			2.026.958.018.042
Tổng tài sản			2.225.011.033.192
<i>Nợ phải trả bộ phận</i>	6.433.400.771	13.161.431.659	19.594.832.430
<i>Nợ phải trả không phân bổ (iii)</i>			498.027.450.074
Tổng nợ phải trả			517.622.282.504

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

34. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

- (i) Thu nhập, chi phí không phân bổ chủ yếu bao gồm các khoản mục doanh thu hoạt động tài chính, chi phí tài chính và chi phí quản lý doanh nghiệp;
- (ii) Tài sản không phân bổ chủ yếu bao gồm các khoản mục tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính, trả trước cho người bán, phải thu khác và chi phí xây dựng cơ bản dở dang;
- (iii) Nợ phải trả không phân bổ chủ yếu bao gồm các khoản mục chi phí phải trả, phải trả khác, vay và nợ thuê tài chính, quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ phát triển khoa học và công nghệ.

35. CÁC CAM KẾT VÀ CÁC KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG

Các cam kết liên quan đến hoạt động đầu tư xây dựng

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2021, Công ty có các khoản cam kết với tổng giá trị là 325,1 tỷ VND liên quan đến việc xây dựng Dự án “Không gian sáng tạo CMC”.

Cam kết cho thuê hoạt động

Công ty hiện đang cho thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Dưới 1 năm	46.956.395.223	49.560.041.633
Từ 1 năm – 5 năm	44.912.694.730	24.862.308.981
TỔNG CỘNG	<u>91.869.089.953</u>	<u>74.422.350.614</u>

Cam kết thuê hoạt động

Công ty hiện đang thuê tài sản theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Dưới 1 năm	1.052.595.000	1.052.595.000
Từ 1 năm – 5 năm	4.210.380.000	4.210.380.000
Trên 5 năm	31.173.893.586	32.227.065.666
TỔNG CỘNG	<u>36.436.868.586</u>	<u>37.490.040.666</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 3 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

36. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng của Công ty.



Kế toán trưởng
Nguyễn Hồng Phương



Giám đốc Tài chính
Lê Thanh Sơn



Chủ tịch Điều hành Tập đoàn
Nguyễn Trung Chính

Ngày 29 tháng 6 năm 2021



EY | Building a better working world

EY exists to build a better working world, helping to create long-term value for clients, people and society and build trust in the capital markets.

Enabled by data and technology, diverse EY teams in over 150 countries provide trust through assurance and help clients grow, transform and operate.

Working across assurance, consulting, law, strategy, tax and transactions, EY teams ask better questions to find new answers for the complex issues facing our world today.

EY refers to the global organization, and may refer to one or more, of the member firms of Ernst & Young Global Limited, each of which is a separate legal entity. Ernst & Young Global Limited, a UK company limited by guarantee, does not provide services to clients. Information about how EY collects and uses personal data and a description of the rights individuals have under data protection legislation are available via ey.com/privacy. EY member firms do not practice law where prohibited by local laws. For more information about our organization, please visit ey.com.

© 2021 Ernst & Young Vietnam Limited. All Rights Reserved.

ey.com/en_vn | ey.com/vi_vn